BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3084 /HD-TĐHHN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022

HƯỚNG DẪN
Quy trình đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học chính quy năm 2022 tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (**Mã: DMT**) hướng dẫn Đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học chính quy năm 2022 đối với thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào Trường như sau:

1. Nguyên tắc đăng ký nguyện vọng xét tuyển

- Thí sinh phải thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển vào Trường trong thời gian quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hạn cuối trước 17 giờ 00 ngày 20/8/2022.

- Tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội năm 2022 theo tất cả các phương thức đều phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Thí sinh sau khi ĐKXT vẫn tiếp tục được điều chỉnh nguyện vọng (trong thời gian quy định) không giới hạn số lần. Sau 17 giờ 00 ngày 20/8/2022, Hệ thống sẽ tự động khóa chức năng ĐKXT để chuyển sang các quy trình tiếp theo và khi đó thí sinh sẽ không còn quyền đăng ký hoặc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT.

- Từ ngày 21/8 đến 17 giờ 00 ngày 28/8/2022, thí sinh nộp lệ phí xét tuyển đối với các nguyện vọng sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển (đối với các nguyện vọng theo phương thức xét tuyển khác, thí sinh thực hiện theo quy định của Trường). Năm 2022 là năm đầu tiên tổ chức thu lệ phí xét tuyển trực tuyến, vì vậy để tránh các rủi ro về kỹ thuật (nếu có), thí sinh không để đến sát thời gian hết hạn mới thực hiện nộp lệ phí.

- Thí sinh đã đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp) theo bất kỳ phương thức xét tuyển nào phải thực hiện đăng ký chính xác thông tin về nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống (mã trường, mã ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, mã tổ hợp xét tuyển) như thông tin xét tuyển đã đăng ký tại Trường.

Trên Hệ thống đã hỗ trợ thông tin để thí sinh biết thí sinh đã đăng ký đúng nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển hay chưa, và biết số thứ tự nguyện vọng đã đăng ký. Thí sinh có thể vào mục: "Tra cứu ➔ Danh sách nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển" để xem thông tin chi tiết, nếu thí sinh đăng ký đúng, cột "Thứ tự NV" sẽ hiện ra thứ tự nguyện vọng đã đăng ký.

- Thí sinh phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trực tuyến, sau đó thoát khỏi Hệ thống và đăng nhập lại để kiểm tra lại kết quả đã đăng ký, điều chỉnh.

- Thí sinh trúng tuyển thẳng (theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh) nếu chọn xác nhận nhập học trực tuyến sẽ không được đăng nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống.

- Từ ngày 16/9 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/9/2022.tất cả thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống.

- Thông tin về CMND/CCCD/Mã định danh trên Hệ thống tuyển sinh của BGD&ĐT với thông tin xét tuyển thí sinh khai báo tại Trường phải thống nhất, số CMND/CCCD/Mã định danh trên Hệ thống sẽ được sử dụng trong suốt quá trình ĐKXT, lọc ảo và nhập học (số CMND/CCCD nếu có thay đổi/điều chỉnh sẽ được cập nhật sau khi thí sinh nhập học vào CSĐT).

2. Thông tin để thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển

a. Phương thức xét tuyển

Nhà trường xét tuyển theo 05 phương thức:

- *Phương thức 1:* Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- *Phương thức 2:* Xét tuyển đặc cách theo quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

+ Thí sinh tốt nghiệp tại các Trường chuyên THPT.

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL IBT 64/120 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương do cơ quan quốc tế có thẩm quyền cấp còn thời hạn hiệu lực sử dụng tính đến thời điểm nộp hồ sơ ĐKXT.

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT và đạt học lực giỏi ba năm: Lớp 10, lớp 11, lớp 12.

- *Phương thức 3:* Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022.

- *Phương thức 4:* Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (Học bạ THPT) sử dụng kết quả học tập lớp 12 THPT.

- *Phương thức 5:* Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

Thông tin phương thức xét tuyển Đại học chính quy năm 2022 trên hệ thống tuyển sinh

STT	Mã phương thức trên hệ thống	Tên phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển chuẩn	Loại phương thức xét tuyển
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022
2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (Học bạ) - Sử dụng kết quả học tập lớp 12
3	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) - Quy định trong Đề án tuyển sinh của Trường
4	303	Xét tuyển đặc cách	Xét tuyển thẳng theo Đề án riêng	Xét tuyển đặc cách
5	402	Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội năm 2022	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội năm 2022

b. Chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển

Thông tin xét tuyển các ngành tại trụ sở chính (Học tại Hà Nội)

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu xét tuyển theo					Tổ hợp môn Xét tuyển
			Thi THPT	Học bạ	Thi ĐGNL	XTT, XƯT	Xét đặc cách	
1	7340301	Kế toán	70	70	20	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
2	7340101	Quản trị kinh doanh	65	65	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
3	7340116	Bất động sản	40	40	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
4	7340115	Marketing	65	65	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
5	7380101	Luật	65	65	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
6	7420203	Sinh học ứng dụng	20	20	6	2	2	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
7	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	16	16	4	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
8	7440221	Khí tượng và khí hậu học	16	16	4	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu xét tuyển theo					Tổ hợp môn Xét tuyển
			Thi THPT	Học bạ	Thi ĐGNL	XTT, XƯT	Xét đặc cách	
								Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
9	7440224	Thủy văn học	16	16	4	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
10	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	50	50	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
11	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	65	65	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
12	7520501	Kỹ thuật địa chất	15	15	6	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
13	7520503	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	25	25	6	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
14	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	40	40	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
15	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	20	20	6	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
16	7850199	Quản lý biển	16	16	4	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu xét tuyển theo					Tổ hợp môn Xét tuyển
			Thi THPT	Học bạ	Thi ĐGNL	XTT, XUT	Xét đặc cách	
								DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
17	7850103	Quản lý đất đai	140	140	20	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
18	7850198	Quản lý tài nguyên nước	16	16	4	2	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
19	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	70	70	20	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
20	7220201	Ngôn ngữ Anh ***(**)***	55	55	0	5	5	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
21	7480201	Công nghệ thông tin	115	115	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
22	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	90	90	20	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
23	7810201	Quản trị khách sạn	90	90	10	5	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
Tổng chỉ tiêu			1180	1180	214	88	88	

***** Điều kiện ĐKXT ngành Ngôn ngữ Anh: Điểm tiếng Anh ≥ 5.00 theo phương thức xét điểm thi THPT; ≥ 7.00 theo phương thức xét điểm Học bạ lớp 12 *****

Thông tin xét tuyển các ngành tại phân hiệu tỉnh Thanh Hóa (Học tại Thanh Hóa)

TT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu xét tuyển theo					Tổ hợp môn Xét tuyển
			Thi THPT	Học bạ	Thi ĐGNL	XTT, XUT	Xét đặc cách	
1	7340301	Kế toán	10	16	1	1	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
2	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	10	16	1	1	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
3	7520503	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	10	16	1	1	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
4	7850103	Quản lý đất đai	10	16	1	1	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
5	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	10	16	1	1	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
6	7480201	Công nghệ thông tin	10	16	1	1	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
7	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5	11	1	1	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DMT22: Xét tuyển đặc cách Q00: Xét tuyển thi ĐGNL ĐHQG XTT22: Xét tuyển thẳng, ưu tiên
Tổng chỉ tiêu			**65**	**107**	**7**	**7**	**14**	

<u>Lưu ý:</u> Thí sinh ĐKXT các mã ngành thuộc trụ sở chính (Hà Nội) sẽ học tại Hà Nội và các mã ngành thuộc phân hiệu Thanh Hóa sẽ học tại tỉnh Thanh Hóa.

Thông tin tổ hợp môn xét tuyển các ngành đại học chính quy năm 2022

STT	Tên tổ hợp	Môn xét tuyển	Phương thức
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
3	A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
4	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
5	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
6	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
7	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
8	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
9	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	Xét Học bạ, Xét điểm thi THPT
10	DMT22	Xét tuyển đặc cách	Xét tuyển đặc cách
11	Q00	Bài thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội	Xét điểm thi Đánh giá năng lực
12	XTT22	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	Xét tuyển thẳng, ưu tiên

c. Hướng dẫn đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh đại học của BGD&ĐT tại địa chỉ: *https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/*

- Quy trình chung:

Từ ngày 22/7 đến hết 17h ngày 20/8, thí sinh sẽ thực hiện đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT. Trong giai đoạn này, thí sinh được tự do đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng không giới hạn số lần và số nguyện vọng đăng ký. Kết quả trúng tuyển chỉ được tính theo nguyện vọng cao nhất từ trên xuống khi lọc tuyển theo tất cả các nguyện vọng/ phương thức xét tuyển đã đăng ký. Từ ngày 21/8 đến 28/8, thí sinh xác nhận nguyện vọng tiến hành nộp lệ phí ĐKXT dựa trên số lượng nguyện vọng đã đăng ký (đối với phương thức xét tuyển theo điểm thi THPT).

- Hướng dẫn đăng ký:

Bước 1: Thí sinh truy cập vào hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo địa chỉ: https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn/

Bước 2: Tại giao diện trang chủ, thí sinh nhập thông tin gồm CMND/CCCD; mật khẩu và mã xác thực rồi "ĐĂNG NHẬP" vào hệ thống.

Bước 3: Tại giao diện chính của Hệ thống, thí sinh chọn "ĐĂNG KÝ THÔNG TIN XÉT TUYỂN SINH".

Bước 4: Thí sinh kiểm tra các thông tin ở mục "Đối tượng ưu tiên", nếu chính xác rồi thì không cần chỉnh sửa.

Bước 5: Thí sinh kéo xuống dưới và bấm vào mục "THÊM NGUYỆN VỌNG".

Bước 6: Thí sinh bắt đầu điền các thông tin theo các ô tương ứng:

+ Ở mục "Thứ tự Nguyện vọng", thí sinh chọn NV1, NV2, NV3, tương ứng với nguyện vọng đã nộp tại Trường… Ví dụ, thí sinh đã nộp hồ sơ xét Học bạ với 03 nguyện vọng tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trườn Hà Nội và muốn chọn nguyện vọng vào trường là NV1, NV2, NV3 thì nhập 1, 2, 3 ở ô thứ tự NV, tìm nhập DMT - Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Mã trường) ở ô trường rồi tìm ngành học, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển.

+ Thí sinh chọn ngành học muốn đăng ký ở ô ngành tương ứng theo thứ tự nguyện vọng đã nộp hồ sơ tại Trường. Ví dụ: Thí sinh đã đăng ký tại Trường là NV1 Công nghệ thông tin ➔ Chọn trên hệ thống NV1 ngành Công nghệ thông tin (Mã ngành 7480201).

+ Thí sinh tiếp tục chọn phương thức xét tuyển. Ví dụ: Thí sinh xét học bạ vào Trường thì chọn "Xét kết quả học tập cấp THPT" (Xét học bạ) tại mục "Phương thức xét tuyển".

+ Ở mục tổ hợp môn, thí sinh lựa chọn tổ hợp xét tuyển ví dụ tổ hợp A00 (thí sinh phải chọn theo đúng tổ hợp đã đăng ký xét tuyển tại Trường).

Bước 7: Thí sinh kiểm tra thông tin và bấm "CHỌN".

Bước 8: Ở màn hình hiển thị kết quả Thêm nguyện vọng, thí sinh kiểm tra thông tin lần nữa và bấm "LƯU THÔNG TIN". Tương tự, thí sinh thực hiện đăng ký các nguyện vọng 2, 3, 4, … (nếu có) theo cách tương tự.

Trên đây là hướng dẫn Quy trình đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học chính quy năm 2022 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội căn cứ theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thí sinh được biết và thực hiện.

Nơi nhận:
- Vụ GDĐH-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Ban giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Phân hiệu Trường tại tỉnh Thanh Hóa;
- Website, Fanpage trường;
- Lưu VT, ĐT.ĐH. (3)

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Vũ Danh Tuyên